

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc
xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi
trường;*

*Xét Văn bản số 3946/TB-HĐTĐ ngày 16/10/2023 của Hội đồng thẩm định
về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai
thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh
Linh, tỉnh Quảng Trị”;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác
mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh
Quảng Trị” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 15/HLS-
VS6 ngày 17/10/2023 của Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4301/TTr-
STNMT ngày 06/11/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện
Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hải Lâm
Sơn QT (sau đây gọi là Chủ Dự án) có vị trí tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh,
tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm
theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 137 Luật
Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Sơn và Giám đốc Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, KT(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn,
huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”

(Kèm theo Quyết định số: **2678**/QĐ-UBND ngày **13** tháng **11** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi: Khu vực Dự án nằm hoàn toàn trong 3,79 ha đã được cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị, thuộc địa phận hành chính xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí thực hiện Dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KT trực 106°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KT trực 106°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1.878.277	579.904	8	1.878.188	580.113
2	1.878.320	579.926	9	1.878.224	580.110
3	1.878.440	580.054	10	1.878.208	580.013
4	1.878.463	580.047	11	1.878.246	579.958
5	1.878.456	580.113	12	1.878.216	579.936
6	1.878.340	580.113	13	1.878.259	579.929
7	1.878.248	580.154	14	1.878.272	579.921

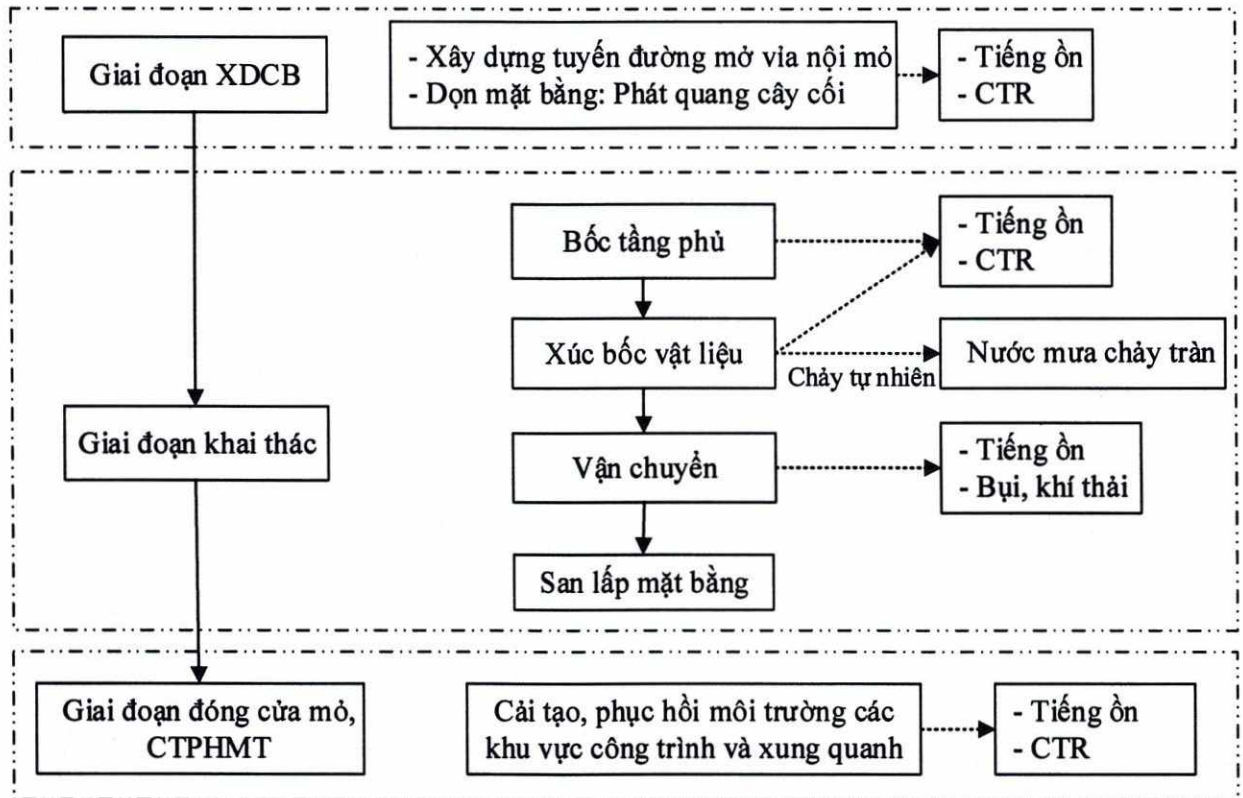
- Trữ lượng: Tổng trữ lượng cấp 122 là 385.389 m³.
- Trữ lượng huy động đưa vào khai thác là 347.355 m³.
- Công suất khai thác: 30.000 m³/năm.
- Thời gian thực hiện: 12 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Theo công nghệ khai thác lựa chọn và cơ sở tài liệu địa chất, địa hình khu mỏ, điều kiện khai thác, hệ thống khai thác dự kiến áp dụng cho mỏ là Hệ thống khai thác lớp bằng vận tải trực tiếp. Khai thác theo từng lớp có chiều dày trung bình 6m, hết lớp này đến lớp khác, sau khi khai thác khoảng 50 - 100m thì xoay vòng khai thác lớp thứ 2.

Dùng máy xúc gạt lớp hữu cơ thực bì bề mặt sang 1 bên (ngay trong diện tích mỏ). Dùng máy xúc xúc đổ đất lên xe vận chuyển, chuyên chở đến nơi tiêu thụ.

Hoạt động của mỏ là khai thác đất nên quy trình khá đơn giản, sau khi có giấy phép khai thác khoáng sản Chủ dự án đưa vào khai thác. Quy trình công nghệ khai thác tại mỏ được thể hiện như sau:



Hình 1.1. Quy trình hoạt động của Dự án

- Các thông số khai thác:

Bảng 1.3. Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	ĐVT	Giá trị
1	Độ sâu khai thác (đến cao trình)		m	+3,0
2	Chiều cao tầng công tác trung bình	H_{CT}	m	6,0
3	Chiều cao tầng kết thúc khai thác trung bình	H_{KT}	m	10,0
4	Góc nghiêng sườn tầng công tác tối đa	α_{max}	độ	$\leq 36^{\circ}12'$
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_o	độ	$36^{\circ}12'$
6	Góc dốc đường hào tối đa		độ	8°
7	Chiều rộng của tuyến khai thác	A	m	10-30
8	Chiều dài tuyến công tác	L_{ct}	m	50-100

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục công trình dự án

TT	Hạng mục công trình	Quy mô	Ghi chú
1	Khu vực khai thác mỏ	3,79 ha	
2	Cải tạo đường vào mỏ	250 m	Nằm trong phạm vi mỏ
3	Lán trại tạm	100 m ²	Nằm trong phạm vi mỏ

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

1.4.2.1. Công tác vận chuyển

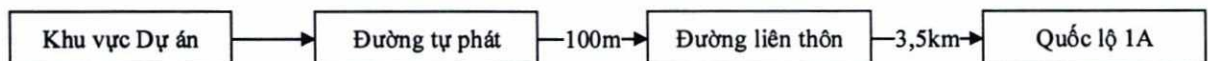
Phương thức vận tải: Dùng ô tô vận chuyển để bán cho khách hàng. Tại đây, cung cấp cho khách hàng dưới hai hình thức: Công ty vận chuyển đến nơi tiêu thụ hoặc khách hàng tự vận chuyển.

Đối với tuyến đường nội mỏ sẵn có (không phải đường dân sinh), sử dụng phương án hạ cốt thấp dần bằng với cốt thiết kế khai thác và tận dụng làm đường vận chuyển nội mỏ. Ở hai đầu phía Bắc và Nam khu mỏ vượt nối với tuyến đường sẵn có để có thể sử dụng đi vào ra khu trang trại chăn nuôi lợn của ông Trần Văn Chức.

Trắc dọc chủ yếu có độ dốc $i=0\%$. Riêng 2 đoạn đầu và cuối tuyến, do phải vượt nối vào đường hiện trạng nên có 2 đỉnh đường cong nằm, độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=10\%$ (đoạn đầu tuyến và cuối tuyến). Cắt ngang nền đường $(4+2 \times 0,5)\text{m}$, dốc ngang mặt đường $i=3\%$, lề đường $i=4\%$; Kết cấu mặt đường: cấp phối đồi đầm chặt $K \geq 98$, trên nền tự nhiên đầm chặt K95 (là nền kết thúc khai thác ở cao trình $+3,5\text{m}$ đối với đoạn tuyến đường).

Dọc 2 bên tuyến bố trí mương hở thoát nước dọc, tiết diện hình thang cân, kích thước $(1 \times 0,45)\text{m}$. Trên tuyến bố trí 01 cống tròn thoát nước ngang D1000.

Sơ đồ tuyến đường vận chuyển chính:



1.4.2.2. Bãi thải đất phong hoá

Bố trí 01 bãi thải tạm có diện tích khoảng $0,3\text{ha}-0,5\text{ha}$, tùy theo năm khai thác được bố trí ở khu vực có địa hình cao thuộc phạm vi năm khai thác tiếp theo của khu mỏ và nằm cách xa khe suối, có đê quai chống sạt lở.

1.2.2.3. Khu văn phòng

- Công trình phụ trợ hoạt động khai thác khoáng sản được xây dựng với quy mô nhỏ ngay trên mặt bằng mỏ. Bố trí khu văn phòng bao gồm: phòng làm việc, nhà ở tạm công nhân, kho chứa chất thải, nhà vệ sinh. Tổng diện tích khu văn phòng là 50m^2 .

- Khu văn phòng là nhà tạm được bố trí cố định tại góc phía Bắc, gần đường ra vào khu mỏ nhằm thuận lợi cho quá trình quản lý, hoạt động của Dự án. Diện tích xây dựng: 50m^2 , kích thước $(12,5 \times 4)\text{m}$, cao 5m. Kết cấu: nhà tạm, mái tôn, vì kèo thép, trần cách nhiệt.

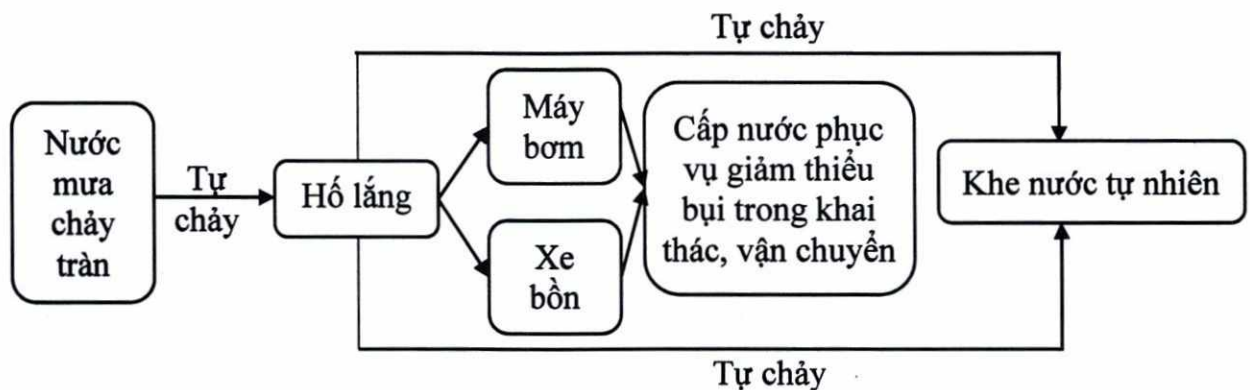
1.2.2.4. Bãi tập kết

Bố trí 01 bãi tập kết trong mỏ (dạng di động, thay đổi vị trí theo từng năm khai thác) để tập kết đất san lấp với diện tích khoảng 1.500m^2 , xung quanh bãi tập kết được bố trí rãnh thoát nước bằng mương đất (rộng 1,5m, sâu 0,45m) để không bị cuốn trôi đất đá khi có mưa (Vị trí bãi tập kết được đính kèm tại Phụ lục các bản vẽ khai thác từng năm).

1.2.2.5. Thoát nước mỏ

Nước thải trong mỏ chủ yếu là nước mưa chảy tràn. Do đặc điểm khu mỏ khi kết thúc khai thác sẽ có cao độ thấp hơn khu vực xung quanh. Do đó, Chủ dự án sẽ lựa chọn hướng thoát nước về góc phía Tây Nam (cao từ +4,5 ÷ +5,0m) và đào rãnh đất để dẫn dòng ra bên ngoài sau khi qua hồ lắng.

Quy trình thoát nước tại khu mỏ Dự án được trình bày theo sơ đồ như sau:



1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.4.3.1. Các hạng mục công trình xử lý chất thải

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa: Lượng nước chảy vào khai trường sau khi cơn mưa dừng, nước sẽ tự chảy về các khe rãnh thoát nước tự nhiên. Đồng thời căn cứ vào bản đồ địa hình dự án thì hướng thoát nước mỏ sẽ chảy tràn về phía Nam của mỏ. Do đó, Chủ dự án sẽ xây dựng hệ thống mương thoát nước 01 hồ lắng ở góc Tây Nam của Dự án để xử lý lượng nước mưa chảy tràn trước khi thải ra môi trường. Cấu tạo các rãnh thoát nước bằng đất chạy dọc mái taluy với tổng chiều dài là 918 m, rộng 1,5 m, sâu 0,45 m, sau đó dẫn nước đổ 01 hồ lắng (diện tích 300m^2 , sâu 2m). Trên tuyến đường hiện trạng sẽ bố trí 01 cống tròn D1000 để dẫn nước từ góc phía Đông Nam qua Tây Nam. Nước mưa từ hồ lắng sẽ đổ vào hồ tự nhiên nằm về góc phía Tây Nam ngoài khu mỏ, vào mùa mưa nước mưa từ hồ theo các rãnh thoát nước trong khu vực và đổ ra sông Bến Hải.

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt: Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân sẽ bố trí 01 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại thể tích khoảng 2m^3 đặt tại khu văn phòng.

- Xử lý bụi từ quá trình khai thác và vận chuyển: Phun ẩm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới tối thiểu 03 lần/ngày đoạn qua giao giữa đường lâm nghiệp với liên xã dài khoảng 400m.

- Lưu giữ, xử lý CTR sinh hoạt: Thực hiện phân loại tại nguồn. Bố trí 01 thùng đựng CTR sinh hoạt 60L tại khu văn phòng để chứa CTR sinh hoạt của công nhân. Hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương đưa đi xử lý.

- Lưu giữ CTNH: Bố trí thùng đựng chuyên dụng loại 120L tại kho chứa CTNH gần khu văn phòng để chứa CTNH. Thời gian khai thác của dự án 08 tháng/năm, hàng năm khi kết thúc khai thác sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

1.4.3.2. Phương án cải tạo phục hồi môi trường (Phương án CTPHMT)

Bảng 1.5. Tổng hợp các công trình CTPHMT, khối lượng công việc thực hiện trong quá trình CTPHMT

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Đối với khu vực mở khai thác				201.723.252		
1	Công tác san gạt mặt bằng	100m ³	73	532.622	39.080.607	Bắt đầu từ năm thứ 3 đến khi kết thúc khai thác	Cuối năm thứ 12
2	Trồng cây	ha	3,37	48.280.537	162.642.645		
II	Tháo dỡ máy móc thiết bị, lán trại				3.092.943		
1	Tháo dỡ mái tôn	m ²	60	1.279	76.740	Kết thúc khai thác	Cuối năm thứ 12
2	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh	Bộ	1	16.203	16.203		
3	Chi phí vận chuyển thực tế	Đợt	1	3.000.000	3.000.000		
III	Lắp đặt biển báo	biển báo	8	143.407	1.147.256	Đồng thời trong quá trình khai thác và khi kết thúc khai thác	Cuối năm thứ 12

+ Tổng số tiền ký quỹ: 252.401.776 đồng.

+ Phương thức ký quỹ: Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 10 năm đến dưới 20 năm, mức ký quỹ lần đầu bằng 20% tổng số tiền ký quỹ, số tiền ký quỹ hàng năm như sau (chưa tính đến yếu tố trượt giá):

TT	Năm	Tỷ lệ	Số tiền ký quỹ
1	Năm thứ 1	20,00%	50.480.355
2	Năm thứ 2	7,73%	18.356.493
3	Năm thứ 3	7,73%	18.356.493
4	Năm thứ 4	7,73%	18.356.493
5	Năm thứ 5	7,73%	18.356.493
6	Năm thứ 6	7,73%	18.356.493
7	Năm thứ 7	7,73%	18.356.493

8	Năm thứ 8	7,73%	18.356.493
9	Năm thứ 9	7,73%	18.356.493
10	Năm thứ 10	7,73%	18.356.493
11	Năm thứ 11	7,73%	18.356.493
12	Năm thứ 12	7,73%	18.356.493
	Tổng cộng		252.401.776

Sau khi kết thúc khai thác và thực hiện đầy đủ công tác CTPHMT, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, Công ty sẽ được nhận lại số tiền này theo quy định.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Trường hợp ký quỹ nhiều lần.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Tại Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Trị.

1.4.3 Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án bao gồm 03 giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Giải phóng mặt bằng tuyến, cắm mốc định vị dự án bằng cọc bê tông, tạo biên vùng khai thác theo thiết kế từng năm đối với các khu vực xung quanh, cải tạo tuyến đường vào mỏ, xây dựng công trình khu văn phòng.

- Giai đoạn vận hành: Khai thác, bốc xúc, vận chuyển đất đến địa điểm san lấp.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

+ Đối với moong khai thác: Cải tạo khu vực moong khai thác từng năm bằng cách san gạt và trồng cây khi kết thúc khai thác.

+ Cải tạo mặt bằng khu vực phụ trợ phục vụ khai thác: Kết thúc năm khai thác thứ 12, sẽ tháo dỡ công trình nhà tạm công nhân không còn nhu cầu sử dụng, san gạt trả lại mặt bằng; thu dọn xe máy, thiết bị và trồng cây trên diện tích đất còn lại (đóng cửa mỏ).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường như: nằm trong khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

(Chi tiết tại bảng 5.1)

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý

* *Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng của Dự án:* Chủ Dự án sẽ thành lập một đơn vị gồm 4 người có nhiệm vụ quản lý thi công trong công trường, đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở thực hiện các nội quy, quy định về bảo vệ môi trường cho toàn bộ công nhân (trong đó có 01 người điều khiển máy xúc và 03 người lái ô tô).

* *Giai đoạn đi vào hoạt động của Dự án:* Chủ dự án sẽ CTPHMT theo thiết kế đối với diện tích đã khai thác hàng năm để tiếp tục trồng rừng như hiện tại.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chủ dự án sẽ xây dựng chương trình giám sát chất lượng môi trường và được áp dụng trong suốt quá trình vận hành của Dự án.

5.2.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí trong khu vực dự án (khu vực đang khai thác).
- + 01 vị trí trên tuyến đường ra vào khu mỏ.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, tập trung vào mùa khô khi khai thác.

5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: Tại sông Bến Hải, cách khu vực Dự án khoảng 400m về phía Đông Nam.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, Photphat, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, tập trung vào mùa khô khi khai thác.

5.2.3. Giám sát CTR, CTNH

Thực hiện giám sát chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, chủ yếu tập trung vào mùa khô lúc có hoạt động khai thác.

5.2.4. Giám sát an toàn lao động

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thực hiện của Dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình thi công.

5.2.5. Giám sát sự cố môi trường

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống các công trình... để phát hiện những hư hỏng, sụt lún và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Mục đích: Giám sát quá trình xói lở trong quá trình thi công.

- Đối tượng giám sát: Mức độ, diễn biến xói lở thượng, hạ lưu tuyến đập.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình thi công tại khu vực thực hiện của Dự án.

5.3. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017.

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), QCVN 02:2019/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi nơi làm việc); QCVN 03:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc).

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).

- Quản lý và kiểm soát nước mặt trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT.

- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo quy định của pháp luật; định kỳ 1 năm/01 lần báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nếu tuyến đường khu vực bị hư hỏng do quá trình vận chuyển, Chủ dự án phải kịp thời khắc phục, sửa chữa đảm bảo cho quá trình đi lại của người dân.

Tổng hợp chương trình quản lý môi trường được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5.1. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường		Các công trình, biện pháp BVMT (hệ thống thu gom, xử lý: quy mô, công suất)	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Nguồn phát sinh	Quy mô (khối lượng, thành phần)		
Giai đoạn chuẩn bị, thiết kế mỏ	- GPMB, phát quang thực vật; - Làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước	Bụi và khí thải từ quá trình làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước, bóc phong hoá	Phát tán	- Bố trí máy móc hoạt động hợp lý.	Trong suốt quá trình chuẩn bị
		Cháy nổ do bom mìn còn sót lại trong chiến tranh	-	- Phối hợp với Ban chỉ huy Quân sự tỉnh để tổ chức rà phá bom mìn trước khi khai thác.	
Giai đoạn hoạt động	Đào, xúc và vận chuyển đất	- Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ phương tiện vận tải, máy móc thi công - CTR là đất bóc phong hoá, đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển	- Đất bóc phong hoá: 7.580m ³	- Phun nước trên tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư tối thiểu 03 lần/ngày. - Không sử dụng các phương tiện quá cũ, có bạt che phủ và không chở quá tải. - Bố trí cán bộ thu gom đất rơi vãi. - Đất phong hoá tận dụng để san gạt trồng cây và san lấp hồ lắng cải tạo PHMT.	Trong suốt quá trình khai thác
		Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác	Lượng nước mưa chảy tràn Error! Reference source not found. m ³ /ngày	- Bố trí rãnh thoát nước bằng đất chạy dọc mái taluy với tổng chiều dài là 918 m, rộng 1,5 m, sâu 0,45 m. Bố trí hồ lắng bùn thể tích, (diện tích 300m ² , sâu 2m), định kỳ nạo vét đảm bảo thoát nước. - Bố trí 01 cống tròn D1000 để dẫn nước từ góc phía Đông Nam qua Tây Nam.	
	Hoạt động của CBCNV	Nước thải sinh hoạt	0,7 m ³ /ngày	- Bố trí 01 nhà vệ sinh di động với thể tích bể tự hoại 2m ³ .	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường		Các công trình, biện pháp BVMT (hệ thống thu gom, xử lý: quy mô, công suất)	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Nguồn phát sinh	Quy mô (khối lượng, thành phần)		
Giai đoạn hoạt động	Hoạt động của CBCNV	CTR sinh hoạt	CTR sinh hoạt: 3,5 kg/ngày	- Thực hiện phân loại rác tại nguồn. - CTR sinh hoạt thu gom vào 03 thùng rác loại 60L bố trí ở khu văn phòng. Hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Công trình Đô thị Vĩnh Linh thu gom và đưa đi xử lý (01 tuần/lần).	Trong suốt quá trình khai thác
		CTNH	CTNH: 10 kg/tháng	Bố trí 01 Thùng rác loại 120L, có nắp đậy và kết thúc đợt khai thác (08 tháng/năm) hợp đồng đơn vị chức năng đưa đi xử lý.	
	Các sự cố môi trường	Cháy nổ	-	- Quy định công nhân không được hút thuốc và vứt tàn thuốc tại những khu vực dễ cháy nổ.	
		Tai nạn lao động, tai nạn giao thông	-	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân - Xây dựng nội quy về an toàn lao động tại nơi làm việc. - Lắp đặt biển báo an toàn tại khu vực ra vào mỏ và xung quanh khu vực thi công. - Làm hàng rào bao quanh khu mỏ khai thác không cho người dân và gia súc ra vào.	
		Sạt lở đất	-	- Khai thác theo đúng phương án thiết kế - Công trình được thi công vào mùa khô, trước mùa mưa thực hiện gia cố, giằng cáp tạo đai an toàn trong công tác khai thác. - Để lại mái taluy từ ranh giới mỏ vào trong mỏ với góc kết thúc khai thác 36°12'.	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường		Các công trình, biện pháp BVMT (hệ thống thu gom, xử lý: quy mô, công suất)	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Nguồn phát sinh	Quy mô (khối lượng, thành phần)		
Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường	- San gạt, trồng cây khu vực khai thác 3,69 ha. - Lắp đặt 8 biển báo, làm hàng rào bảo vệ - Tháo dỡ các hạng mục lán trại, nhà vệ sinh di động	Bụi từ hoạt động san gạt mặt bằng	Phát tán	Tưới nước dập bụi tại các vị trí phát sinh, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.	Trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường
		Nước mưa chảy tràn	Lượng nước mưa chảy tràn Error! Reference source not found. m ³ /ngày	- Giữ lại các rãnh thoát nước đã đào đảm bảo thoát tự nhiên theo cao độ về khe nước. - San lấp hố lũng khi kết thúc khai thác (cuối năm thứ 12).	